

Số: /BC-UBND

Ba Tô, ngày tháng 11 năm 2025

BÁO CÁO

Thực trạng công tác phổ cập GDMN cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi và dự kiến nguồn lực thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã Ba Tô

Thực hiện theo công văn số 2071/SGDDĐT-GDMNTH ngày 08/11/2025 của Sở giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ;

Ủy ban nhân dân xã báo cáo công tác phổ cập GDMN cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã với những nội dung như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị báo cáo: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BA TÔ

Địa bàn quản lý: Thôn Làng Mạ, xã Ba Tô, Quảng Ngãi.

Tổng số thôn/tổ dân phố: 14 Thôn

Trẻ em từ 0-5 tuổi: 389 trẻ.

Số lượng cơ sở GDMN trên địa bàn: 03 Trường; 16 nhóm lớp.

II. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC PHỔ CẬP GDMN TRÊN ĐỊA BÀN

(Đánh giá chung về thực trạng quy mô mạng lưới trường lớp, tình hình đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học... tình hình GDMN trên địa bàn cấp xã hiện nay theo Nghị định 277/2025/NĐ-CP

1. Mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non: số lượng trường, điểm trường, nhóm lớp; tỷ lệ trẻ đến trường/lớp.

Hiện nay, Ủy ban nhân dân xã Ba Tô có 03 trường được xây dựng tại thôn Làng Dút (Trường Mầm non Ba Nam), Thôn Vả lế (Trường Mầm non Ba Lế), Thôn Trà Nô (Trường Mầm non Ba Tô) – Cả ba trường đều nằm xa các điểm thôn nên cũng không thuận tiện cho việc đưa đón các cháu đi học.

Tổng số 16 nhóm, lớp

Tổng số trẻ ra lớp: 363/374, đạt tỷ lệ 97.05% (trẻ từ 3-5 tuổi)

Tỷ lệ huy động theo độ tuổi:

Trẻ 3 tuổi: 89,5%

Trẻ 4 tuổi: 100%

Trẻ 5 tuổi: 100%

Tổng số trẻ: 363 trẻ đang theo học và ăn ở bán trú tại trường.

100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN và đủ điều kiện vào lớp 1.

Cả 03 trường duy trì ổn định quy mô lớp học.

2. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên: số lượng, trình độ đạt chuẩn, tỷ lệ giáo viên/lớp; tình hình biên chế, hợp đồng, đào tạo bồi dưỡng.

- Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên của 03 trường là 39 người, gồm:

+ Cán bộ quản lý: 6 (03 Hiệu trưởng và 03 Phó Hiệu trưởng).

+ Giáo viên: 27 (đều đạt trình độ Đại học 05/05 GV - tỷ lệ 100%).

+ Nhân viên: 11

+ Tỷ lệ giáo viên/lớp đạt 27/16 giáo viên/lớp.(1,69 %)

Đội ngũ giáo viên có tinh thần trách nhiệm, yêu nghề, tích cực học hỏi, tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chuyên môn, tập huấn nghiệp vụ. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên được thực hiện thường xuyên, từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non.

Hiện trường Mầm non Ba Tô thiếu 01 biên chế giáo viên.

Đánh giá: Đào tạo – bồi dưỡng: 100% giáo viên được tham gia bồi dưỡng thường xuyên, tuy nhiên còn thiếu bồi dưỡng kỹ năng CNTT, giáo dục hòa nhập.

3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học: diện tích phòng học, công trình vệ sinh, khu vui chơi, thiết bị, đồ chơi tối thiểu theo quy định tại Phụ lục của Nghị định 277.

Trên địa bàn có 16 phòng học. Trong đó có 08 phòng kiên cố và 08 phòng bán kiên cố, đảm bảo diện tích phòng học theo quy định.

- Các công trình phụ trợ gồm:

+ Công trình nước sạch: đảm bảo sử dụng ổn định, an toàn.

+ Công trình vệ sinh: có đủ công trình vệ sinh,

(Tuy nhiên trường Mầm non Ba Lễ có 1 phòng vệ vệ sinh chưa đạt chuẩn, trường có công trình nước sạch chưa đảm bảo)

+ Tổng số bếp ăn cần cải tạo, xây mới : 03 /03 trường Mầm Non

+ Phòng chức năng, phòng hành chính, y tế, kho thiết bị: chưa có.

Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi học tập trong lớp còn thiếu so với danh mục tối thiểu theo quy định; khu vui chơi ngoài trời chưa được đầu tư đồng bộ, thiếu các thiết bị vận động, đồ chơi thể chất, bộ đồ dùng cho các lớp; ngoài ra, bộ đồ chơi ngoài trời hiện có của đơn vị đã bị hỏng hoàn toàn không sửa chữa, khắc phục cho các cháu chơi được nữa

Trang thiết bị theo Phụ lục Nghị định 277 còn thiếu:

Bộ đồ chơi phát triển vận động

Thiết bị âm nhạc, tạo hình

Thiết bị CNTT phục vụ dạy học.

Đánh giá: CSVN cơ bản đáp ứng nhưng vẫn còn phòng học xuống cấp, sân chơi nhỏ, thiếu đồ dùng, đồ chơi, nhà bếp xuống cấp....

4. Công tác quản lý, huy động trẻ: công tác điều tra phổ cập, cập nhật dữ liệu trên hệ thống EMIS; tỷ lệ huy động trẻ 3, 4, 5 tuổi ra lớp;

Công tác điều tra, cập nhật dữ liệu phổ cập được thực hiện nghiêm túc, chính xác, thường xuyên trên hệ thống.

Công tác phối hợp với chính quyền, các đoàn thể, thôn, ... trong việc vận động trẻ ra lớp, nhất là trẻ ở vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số được thực hiện tốt

Tỷ lệ huy động trẻ 3-5 tuổi ra lớp theo điều tra phổ cập số liệu từ 3-5 tuổi đạt 97 % trong đó trẻ mẫu giáo ra lớp 3-4 tuổi : 95/105 đạt 89,5%; trẻ mẫu giáo ra lớp 4-5 tuổi : 136/136 đạt 100%; trẻ mẫu giáo ra lớp 5-6 tuổi: 133/133 đạt 100%

Công tác tuyên truyền được đẩy mạnh qua các kênh thông tin xã hội, mạng

Zalo nhóm lớp, giúp nâng cao nhận thức của phụ huynh về tầm quan trọng của giáo dục mầm non.

5. Kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ cho học sinh, giáo viên mầm non hiện nay. (Số lượng trẻ em thuộc diện được hỗ trợ ăn trưa và chi phí học tập (hộ nghèo, cận nghèo, con liệt sĩ, trẻ khuyết tật, trẻ mồ côi, trẻ ở vùng khó khăn...).

Việc thực hiện chế độ, chính sách cho trẻ em theo quy định của nhà nước được thực hiện một cách kịp thời, đầy đủ góp phần vào việc động viên và hỗ trợ tích cực cho các em đến trường.

03/03 trường đã thực hiện nghiêm túc, kịp thời các chế độ, chính sách cho giáo viên: Được hưởng đầy đủ các chế độ phụ cấp ưu đãi, chính sách vùng đặc biệt khó khăn; 100% được đóng BHXH, BHYT, BHTN.

Công tác tài chính được quản lý chặt chẽ, công khai, minh bạch, đúng quy định.

6. Kết quả đạt được: mức độ phổ cập GDMN hiện nay.

- Duy trì giữ vững chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.
- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình đạt 100%.
- Môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, chất lượng chăm sóc - nuôi dưỡng - giáo dục trẻ ngày càng nâng cao.

- Đến năm 2030 đạt chuẩn phổ cập trẻ 3 tuổi.

- Tuy nhiên, để đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ 3-5 tuổi toàn diện theo Nghị định 277/2025/NĐ-CP, Các trường cần tiếp tục được đầu tư về cơ sở vật chất, thiết bị, đồ chơi ngoài trời, và tăng cường nguồn lực hỗ trợ cho giáo viên.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN PHỔ CẬP GDMN GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Mục tiêu chung:

Tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; bảo đảm mọi trẻ em trong độ tuổi đều được tiếp cận giáo dục mầm non có chất lượng, được chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục toàn diện trong môi trường an toàn, thân thiện.

Phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non hợp lý, phù hợp điều kiện tự nhiên, kinh tế – xã hội của địa phương; quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và phát triển đội ngũ đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và lộ trình phổ cập giai đoạn 2026–2030.

2. Mục tiêu cụ thể cần hoàn thành đến năm 2030

Lộ trình đạt chuẩn theo Điều 11, Nghị định 277/2025/NĐ-CP, cụ thể:

Duy trì, củng cố và mở rộng mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, bảo đảm tăng tỷ lệ huy động trẻ 3–4 tuổi đến trường theo từng năm học.

Tăng cường đầu tư, cải tạo, sửa chữa phòng lớp học, công trình phụ trợ, trang bị đầy đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi trong và ngoài lớp học đạt yêu cầu theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với trẻ mầm non và đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên, đặc biệt ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng khó khăn.

Nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; bảo đảm an toàn thể chất và tinh thần, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng, tăng cường kỹ năng sống cho trẻ.

Lộ trình đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ 3-5 tuổi theo Điều 11, Nghị định 277/2025/NĐ-CP: Phần đầu đến năm 2028 đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 3–5 tuổi theo quy định tại Nghị định số 277/2025/NĐ-CP.

3. Dự kiến nhu cầu thực hiện mục tiêu phổ cập GDMN giai đoạn 2026-2030.

3.1. Quy mô, mạng lưới trường lớp cấp mầm non giai đoạn 2026-2030

(Theo số liệu điều tra phổ cập năm 2025 và dự đoán số trẻ cho những năm tiếp theo)

*** Năm học 2026-2030:**

Số trường: 03; số điểm trường: 07 ; đến năm 2026-2029 số điểm trường: 03; Hiện nay trường có 16 nhóm, lớp; đến năm 2027-2029 trường có 15 nhóm lớp;

- Đến năm 2030 Tỷ lệ trẻ 3-5 tuổi ra lớp 100% trong đó dự kiến trẻ 3 tuổi: 101 trẻ; Trẻ 4 tuổi: 97 trẻ, Trẻ 5 tuổi : 127 trẻ.

Tỷ lệ trẻ hoàn thành chương trình theo từng độ tuổi 100%.

(Kèm theo biểu mẫu tại Phụ lục 1)

3.2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thực hiện phổ cập cho trẻ 3 đến 5 tuổi giai đoạn 2026-2030

Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên: 33 người trong biên chế:

+ Quản lý 06, trình độ Đại học

+ Giáo viên: 27, trình độ Đại học: 27, cao đẳng: 0.

+ Nhân viên 11(đã bao gồm nhân viên hợp đồng)

Số lượng người tham gia thực hiện phổ cập tại trường 02 người, cấp xã (Cán bộ/Công chức được giao nhiệm vụ theo dõi, điều tra, thống kê, vận động trẻ ra lớp).

(Kèm theo biểu mẫu tại Phụ lục 2).

3.3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học thực hiện phổ cập cho trẻ 3 đến 5 tuổi giai đoạn 2026-2030

Về cơ sở vật chất của nhà trường sửa chữa, cải tạo nhằm đảm bảo để đạt chuẩn cho những năm tiếp theo như sửa chữa phòng học, bếp ăn.

03/03 trường còn thiếu một số thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi trong lớp và ngoài trời, cần được bổ sung, trang bị đầy đủ để phục vụ tốt hơn cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ, đáp ứng yêu cầu chương trình GDMN hiện hành.

(Kèm theo biểu mẫu tại Phụ lục 3, Phụ lục 4, Phụ lục 5).

3.4. Nhu cầu về tổng nguồn kinh phí thực hiện phổ cập cho trẻ 3 đến 5 tuổi 2026-2030

Căn cứ vào nhu cầu đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng – đồ chơi đã thống kê tại Mục 3, dự kiến tổng nguồn kinh phí đầu tư, mua sắm cơ sở vật chất, thiết bị dạy học bao gồm:

(Kèm theo biểu mẫu tại Phụ lục 6, Phụ 7, Phụ lục 8).

Chính sách ưu tiên phát triển giáo dục mầm non được triển khai tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo, bãi ngang, ven biển; khu vực đông dân cư; địa bàn có khu, cụm công nghiệp, khu chế xuất.

Chính sách phát triển đội ngũ và chính sách đối với trẻ em từ 3 đến 5 tuổi gồm:

+ Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ;

- + Hỗ trợ chi phí học tập;
- + Thực hiện các chế độ, chính sách nhằm đảm bảo công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 3–5 tuổi trên địa bàn.

(Chi tiết kinh phí được thể hiện tại Phụ lục 9 và Phụ lục 10 kèm theo.)

Trên cơ sở đó, đề nghị tu sửa, cải tạo một số phòng học theo các biểu mẫu, định mức đã nêu trong các phụ lục; đồng thời thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách quan tâm theo đúng nội dung quy định tại các phụ lục liên quan.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI PHỔ CẬP GDMN CHO TRẺ 3 ĐẾN 5 TUỔI GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Thuận lợi:

- Sự quan tâm chỉ đạo của các cấp: Được sự quan tâm của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, sự chỉ đạo sát sao trong công tác phổ cập GDMN cho trẻ 3-5 tuổi.

- Nhận thức của phụ huynh và cộng đồng: Nhận thức của phụ huynh, cộng đồng ngày càng được nâng cao; đa số cha mẹ trẻ hiểu rõ tầm quan trọng của việc cho con đến trường mầm non, tích cực phối hợp với nhà trường trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên: Được quan tâm về chế độ, chính sách; đa số có tinh thần trách nhiệm, tâm huyết với nghề, chủ động đổi mới phương pháp giáo dục, đáp ứng yêu cầu chương trình GDMN hiện hành.

- Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học: Trường mầm non Ba Nam trên địa bàn từng bước được đầu tư xây dựng, nâng cấp; trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi được bổ sung theo hướng đồng bộ, phục vụ tốt cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Chính sách hỗ trợ: Trẻ em 3-5 tuổi được hưởng đầy đủ chính sách hỗ trợ ăn trưa, miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; góp phần duy trì tỷ lệ huy động trẻ đến trường ổn định và bền vững.

2. Khó khăn, thách thức:

- Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi một số hạng mục chưa đảm bảo đầy đủ; kinh phí mua sắm, sửa chữa còn hạn chế.

- Một bộ phận phụ huynh là người đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn tư tưởng trông chờ, chưa thực sự quan tâm đến việc cho trẻ đi học đầy đủ, đúng độ tuổi.

- Có một số phụ huynh đi làm ăn xa giao phó con cho ông bà chăm.

- Chính sách hỗ trợ và đầu tư tuy có nhưng chưa đáp ứng nhu cầu phát triển nhanh của giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện nay.

3. Giải pháp trọng tâm để thực hiện lộ trình phổ cập GDMN cho trẻ 3 đến 5 tuổi trên đơn vị

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền: tầm quan trọng của giáo dục mầm non và công tác phổ cập GDMN cho trẻ 3-5 tuổi.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học: Ưu tiên sửa chữa các hạng mục, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi trong và ngoài lớp học theo các biểu mẫu, định mức quy định.

Thực hiện đầy đủ các chính sách đối với trẻ mầm non: Đảm bảo chế độ hỗ trợ ăn trưa, chi phí học tập, chính sách miễn giảm học phí, đặc biệt đối với trẻ em vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Quan tâm phát triển đội ngũ: Bố trí đủ số lượng giáo viên theo định mức; tạo điều kiện bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng sư phạm cho CBQL, giáo viên, nhân viên.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát: Đánh giá định kỳ việc thực hiện các tiêu chí phổ cập GDMN; kịp thời tham mưu, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, đảm bảo duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập.

Huy động nguồn lực xã hội: Khuyến khích tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp cùng chung tay đầu tư, hỗ trợ phát triển cơ sở vật chất, thiết bị và các hoạt động giáo dục mầm non tại trường.

V. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

1. Đối với Trung ương, Bộ GDĐT: Tiếp tục hỗ trợ kinh phí đầu tư thiết bị, đồ chơi cho vùng khó khăn.

2. Đối với UBND Tỉnh: Bố trí nguồn vốn đầu tư cơ sở vật chất giai đoạn 2026–2030.

3. Đối với Sở GDĐT: Chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng kế hoạch phổ cập giáo dục mầm non từ 3 đến 5 tuổi cụ thể theo từng năm, từng địa phương. Tăng cường tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ quản lý, giáo viên mầm non, phương pháp giáo dục tiên tiến, ứng dụng công nghệ trong dạy học.

VI. ĐĂNG KÝ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN (Theo biểu mẫu tại Phụ lục 10)

03/03 Trường Mầm non đăng ký năm 2030 dự kiến đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ 3-5 tuổi.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT tỉnh;
- CT, các PCT UBND xã;
- Phòng VHXX xã;
- Văn phòng HĐND & UBND xã;
- Các trường Mầm non trực thuộc xã;
- Lưu: VT. VHXX (Lan)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Thất